

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 24/11/2020

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Tập 7

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Cuối tiết trước tôi có tặng cho mọi người bốn câu:

*“Kiêu ngạo không được có,
Khí phách chẳng thể không,
Nếu người không khí phách,
Khó ngáng đầu trước người”.*

Tiếp theo tôi sẽ kể một câu chuyện có liên quan tới khí phách cho mọi người nghe. Có một đôi vợ chồng, có thể nói là thanh mai trúc mã, hai trẻ vô tư, lớn lên cùng nhau. Sau khi trưởng thành trở thành người yêu, tiếp đó kết hôn thành vợ chồng đầm ấm. Kết hôn được 10 năm, sanh được hai người con trai, một người con gái, mặc dù không phải gia đình giàu có gì nhưng gia đình năm người có trai có gái, cũng được xem là gia đình yên ổn, hạnh phúc mỹ mãn!

Qua mấy năm sau, người chồng làm ăn phát đạt, trở thành ông chủ giàu có, lên như điều gặp gió. Người chồng có tình nhân mới, quên mất tình nghĩa trước đây, đề nghị ly hôn với vợ. Người vợ đối mặt với hiện thực, bình tĩnh điềm đạm, không hạ mình cũng chẳng phản kháng, không khóc cũng chẳng làm âm ỉ, đồng ý ly hôn. Người chồng không ngờ vợ mình lại đồng ý nhanh như vậy, anh ta vui mừng khôn xiết. Tuy nhiên trong lòng anh ta cảm thấy áy náy, muốn dùng tiền để giải quyết chuyện này. Anh hứa sẽ chia cho người vợ một số tiền lớn khi ly hôn. Người vợ nói rằng, lúc em và anh kết hôn, chỉ yêu con người của anh, không phải yêu tiền của anh, hơn nữa lúc đó anh cũng không có tiền. Người vợ chỉ đưa ra một yêu cầu, vì muốn dạy dỗ tốt con cái, con cái lớn lên khỏe mạnh, em muốn mang ba đứa con đi. Người chồng trầm tư một lát rồi nói, vậy được, anh sẽ cho ba đứa con một số tiền lớn để em nuôi dưỡng chúng, để mấy mẹ con em không phải lo toan cuộc

sống. Người vợ nói, em cũng không cần đâu, em sẽ nuôi ba đứa con trưởng thành nên người.

Người vợ mang theo ba đứa con rời khỏi nơi khiến mình đau lòng, đến một thành phố khác làm thuê kiếm sống. Chuyện sau đó chắc mọi người có thể tưởng tượng ra được, khó khăn biết bao! Mặc dù người mẹ vô cùng vất vả, nhưng nhìn thấy ba đứa trẻ hiểu chuyện ngày một trưởng thành, cho dù trời có sập xuống cô cũng có thể đội lên được!

Ông trời không phụ người có lòng, ba đứa trẻ trưởng thành nên người, không những học xong đại học, có hai đứa học tiến sĩ, một đứa học thạc sĩ. Người mẹ vĩ đại đã nuôi lớn ba đứa con ưu tú. Câu chuyện phía sau các bạn nghe xong sẽ càng cảm động hơn nữa.

Nhiều năm trôi qua, con trai lớn trở thành chủ tịch của một công ty lớn. Một hôm, có một người tới công ty, tự xưng là cha của chủ tịch, nhân viên đưa ông tới phòng làm việc của chủ tịch. Nhiều năm không gặp, đôi bên đều cảm thấy khá xa lạ. Con trai đem chuyện này báo cho mẹ biết, người mẹ nói, để mẹ tới gặp. Hai người già gặp nhau, gặp mặt không nói nên lời, thật sự là cảm xúc lẫn lộn, không biết phải bắt đầu nói từ đâu. Người chồng nói với vợ, những năm qua ông đã đổi bảy tám cô tình nhân mới, người nào cũng lừa ông nhiều tiền của, sau đó thì không thấy tung tích nữa. Nhiều năm trôi qua như vậy, tuổi già sức yếu, tài sản cũng bị lừa không còn lại bao nhiêu, bây giờ ông trở thành người cô độc. Ông nói ông tới tìm con trai, là vì muốn có một gia đình, tìm lại một phần yêu thương, để mình không còn cô đơn nữa. Kết quả cuối cùng mọi người đoán ra rồi đúng không?

Người mẹ hỏi con trai, con thấy nên làm thế nào? Con trai nói, con đều nghe theo mẹ. Người mẹ nói rằng, ông ấy dù sao cũng là cha của con, là người cho con sanh mạng. Trước đây ông ấy đi sai đường. Bây giờ ông ấy muốn về nhà, thân làm con cái, con hãy cho ông ấy một gia đình để an hưởng tuổi già. Người con trai có chút do dự nhìn qua mẹ, vậy hai người... Người mẹ nói, ân oán của cha mẹ đã là chuyện trước đây, không cần phải so đo nữa, càng không thể đem ân oán đó truyền lại cho đời sau. Chỉ mong mỗi chúng ta đều bình an!

Câu chuyện đã hết, mọi người có cảm nhận gì không? Một người phụ nữ vĩ đại, tôi thán thán khí phách của cô ấy, càng tán thán tâm lượng rộng lớn như biển cả của cô ấy!

Câu kinh văn “như thị ngã văn” chúng tôi đã giảng xong rồi, tiếp theo chúng tôi giảng đến “nhất thời”.

“Nhất thời”

Nhất thời là thời thành tựu. Trong kinh Phật dùng hai chữ “nhất thời”, dùng thật sự quá hay. Tại sao trong kinh Phật không dùng ngày tháng cụ thể nào vậy? Bởi vì cách làm lịch mỗi nơi mỗi khác, cách phân chia thời gian trên thế giới chẳng giống nhau, không có cách nào dùng thời gian cụ thể. Ví dụ như một ngày ở trời Tứ Thiên Vương bằng với 50 năm dưới nhân gian, một ngày dưới địa ngục bằng với 2.700 năm trên dương gian. Lờn hiện nay gọi là múi giờ. Khoa học chứng minh rằng thời gian mặt trời xoay quanh trung tâm hệ ngân hà trọn một vòng tức là một năm trên mặt trời, tương đương với 200 triệu năm trên địa cầu. Lại nói, tốc độ chuyển động của vật thể càng gần với vận tốc ánh sáng thì thời gian cũng tùy theo tốc độ chuyển động của vật thể mà biến đổi, chẳng có số lượng nhất định. Cho nên trong kinh dùng hai chữ “nhất thời” là hết sức thực tế vậy.

Chữ nhất thời trong kinh này có ba ý nghĩa:

Nghĩa thứ nhất là lúc cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi.

Nghĩa thứ hai là lúc ba điều kiện tín, nguyện, hạnh của chúng sanh đồng thời đầy đủ.

Nghĩa thứ ba là lúc chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao.

Ba thời này hợp nhất thành một, chính là nhất thời. Giải thích sơ lược ba tầng nghĩa này như sau:

Tại sao vào lúc đó đức Phật muốn tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ? Bởi vì đức Phật biết quán sát cơ duyên. Ngài thấy rằng trong đại chúng có người căn cơ chín muồi. Căn cơ chín muồi này tức là cơ duyên thành Phật của chúng sanh chín muồi. Vào lúc này nếu như không giảng bộ kinh này, không nói pháp môn này, vậy thì đức Phật có lỗi với chúng sanh. Bởi vì căn cơ của chúng sanh chín muồi, không có người thuyết pháp cho họ thì họ không thành tựu được. Chúng sanh nghe được pháp môn này, tin sâu không nghi ngờ, đây là “tín” của họ đã thành tựu; nghe được pháp môn này, trong lòng hoan hỷ, một lòng cầu sanh Tây Phương, đây là “nguyện” của họ đã thành tựu; sau khi nghe được pháp môn này, áp dụng lý luận vào trong

cuộc sống, “hạnh” của họ cũng đã thành tựu. Tín, nguyện, hạnh đều đầy đủ, cho nên đức Phật nhất định phải giảng bộ kinh này.

Chúng sanh và chư Phật Bồ-tát cảm ứng đạo giao, cũng chính là câu “thầy trò đạo hợp” mà chúng ta nói. Đây là thời điểm thầy giảng kinh, học trò nghe kinh thích hợp nhất, không thể bỏ lỡ cơ duyên này.

Chúng sanh có cơ duyên thành Phật chín muồi cũng bao gồm cả chúng ta trong đó. Bộ kinh này đức Phật thuyết cho chúng ta. Ba ngàn năm trước chúng ta đã nghe, ba ngàn năm sau chúng ta vẫn đang nghe, cơ duyên thành Phật của chúng ta ba ngàn năm trước đã chín muồi rồi, tại sao hơn ba ngàn năm trôi qua, đến bây giờ vẫn chưa thành Phật? Chúng ta gặp được quá nhiều quá nhiều cơ duyên thành Phật, chúng ta cũng đã bỏ lỡ quá nhiều quá nhiều cơ duyên thành Phật. Mọi người có biết không? Bỏ lỡ một lần chính là mấy ngàn kiếp! Chúng ta luân hồi trong lục đạo vô lượng kiếp, đó là bởi vì chúng ta đã bỏ lỡ cơ duyên thành Phật tốt đẹp.

Bây giờ chúng ta lại một lần nữa gặp được cơ duyên thành Phật, mặc dù chúng ta sống trong thời buổi loạn lạc, đây là sự bất hạnh của chúng ta. Thế nhưng chúng ta lại là người may mắn trong bất hạnh. Đại sư Ấn Quang đích thân chọn lấy pháp môn niệm Phật cho chúng ta, lão cư sĩ Hạ Liên Cư, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão pháp sư Tịnh Không, lão hòa thượng Hải Hiền, lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh, mỗi người một trách nhiệm, cùng nhau đến thế giới Ta-bà, cứu độ chúng sanh khổ nạn, đây là chuyện trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Lại đúng lúc chúng ta gặp được. Cơ duyên thành Phật tốt như vậy, bạn vẫn bỏ lỡ hay sao? Đánh mất rồi thì không còn gặp lại nữa!

Tiếp theo giảng: *“Nhất thiết đại thánh, thần thông đã đạt”*.

“Hết thầy đại thánh, thần thông đã đạt”. Hai câu này không phải là tán thán tỳ-kheo Tiểu thừa, mà là tán thán đại Bồ-tát. Ý muốn nói, học trò đức Phật và đại chúng tham gia hội kinh Vô Lượng Thọ này đều là đại Bồ-tát, đại thánh. “Hết thầy” là chỉ một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội.

Tiếp theo tôi sẽ giải thích chữ “đại”. “Đại” trong tiếng Phạn gọi là ma-ha, ma-ha có nghĩa là đại, gồm ba ý nghĩa: có nghĩa là đại; có nghĩa là đa; có nghĩa là thắng.

“Đại” là như A-di-đà Sớ Sao có nói: “Thiên vương, đại nhân cùng kính ngưỡng, chẳng phải là đức nhỏ nên gọi là đại”. Xung là đại tỳ-kheo, không chỉ thiên

vương Dục giới, thiên vương Sắc giới, trời Ma-hê-thủ-la đều tôn kính người tu hành trì giới, mà thầy đều kính ngưỡng. Đương nhiên người đó có đức hạnh, không phải đức nhỏ, họ có đức lớn, cho nên chiêu cảm thiên vương, đại nhân tôn kính. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Đức cao rộng lớn, quá dư cận học”, quá là vượt hơn, dư là khác, cận học có nghĩa là sơ học, mặc dù học nhưng trí tuệ chưa khai mở, đức năng còn có hạn. [Người có đức cao rộng lớn, vượt hơn hàng sơ học khác], nên gọi là đại.

Thế nào gọi là đức cao? Thật thà, nghe lời, thật làm, đây gọi là đức cao, người thông thường không có. Chỉ cần có đầy đủ đức hạnh như vậy thì họ nhất định có thành tựu. Đây là đại đức, đáng để xưng tán, khích lệ đại chúng học theo người đó.

“*Đa giả, nội điển ngoại tịch vô bất bác thông, phi quả giải dã*”. Học rộng nghe nhiều gọi là “đa”, “nội điển” là kinh điển của nhà Phật, “ngoại tịch” là thư tịch bên ngoài không phải của Phật-đà, không gì chẳng bác thông. “Bác” là học rộng, “thông” là thông đạt nên gọi là đa. “Phi quả giải dã” (chẳng phải hiểu biết hạn hẹp), “quả” là ít, hiểu biết hạn hẹp, không nhiều. Họ là mọi thứ đều thông đạt.

“Thắng” là vượt trội, vượt hơn những kẻ có học khác, đặc biệt là Ấn Độ có 96 thứ ngoại đạo, vượt lên trên 96 thứ ngoại đạo nên gọi là thắng.

Trong Phật Địa Luận, đại cũng có ba nghĩa: “Một là lợi căn tốt bậc, là chủng tánh ba-la-mật-đa”. Lợi căn tốt bậc là người nào? Chúng ta thường nói đó là bậc thượng thượng căn. Không chỉ nghe một biết mười, mà là nghe một khai ngộ một ngàn. Ngoài ra còn có một loại, giống như ông thợ vá nồi là đệ tử của lão hòa thượng Đệ Nhàn, giống như lão hòa thượng Hải Hiền, không biết chữ, chưa từng đi học, những người này là lợi căn tốt bậc. Tại sao vậy? Họ thật thà, nghe lời, thật làm, sư phụ truyền một pháp môn, họ không hề hoài nghi, kiên trì đến cùng, không cần thời gian quá dài họ đã có thể khế nhập cảnh giới. Sự khế nhập này là minh tâm kiến tánh, thành tựu đại đức. Giống như phía trước có nói, nội điển ngoại tịch họ đều không cần học, đại triệt đại ngộ, bạn cầm những sách này đọc cho họ nghe, họ sẽ giảng cho bạn nghe, toàn bộ đều thông đạt, đây là lợi căn tốt bậc.

Do đây có thể biết, lợi căn tốt bậc ai ai cũng vốn có, không hề hiếm lạ chút nào, người nào cũng có. Thế nhưng lợi căn tốt bậc của chúng ta vì sao lại biến thành độn căn, biến thành độn căn tốt bậc. Tại sao vậy? Vì chúng ta đã đánh mất tín tâm, không tin tưởng chính mình có lợi căn tốt bậc, không tin tưởng chính mình vốn là Phật, không tin tưởng chính mình có Phật tánh, vậy thì không còn cách nào

khác. Nghe kinh học giáo, nghe lời Phật dạy, họ nghe hiểu rồi thì họ nghĩ như thế nào? Không phải đang nói tôi, tôi không phải là lợi căn, đang nói tới người khác, chính mình không dám thừa nhận. Hay nói cách khác, nếu như nói bộ kinh này chính mình không được thọ dụng, vậy thì ai được thọ dụng? Người dám trực tiếp thừa nhận thì được thọ dụng, chắc chắn là Phật nói cho mình nghe, người như vậy có được thọ dụng. Nếu như nghĩ lời Phật nói không dành cho mình, mà dành cho người khác, vậy thì không có được thọ dụng.

Phật pháp là pháp bình đẳng, pháp bình đẳng là thật; có cao, có thấp là giả. Thành tựu của Phật pháp ở chỗ buông xuống, nhất thời đốn xả thì nhất thời đốn chứng, bạn xả bao nhiêu thì chứng bấy nhiêu. Xả kiến tư phiền não, không chấp trước nữa thì chứng A-la-hán; xả trần sa phiền não thì thành Bồ-tát; xả căn bản vô minh, tức khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm, chúc mừng bạn! bạn đã thành Phật, đó chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ai có vậy? Ai ai cũng có, chỉ là không dám trực tiếp thừa nhận mà thôi. Đức Phật không có cách nào khác, Phật đành phải đợi, duyên chưa chín muồi thì đành đợi trước đã, đợi khi nào bạn giác ngộ, khi nào bạn thừa nhận. Đức Phật rất kiên nhẫn, cho dù đợi vô lượng kiếp ngài cũng vẫn đợi, các bạn nhẫn tâm để Phật đợi vô lượng kiếp hay sao? Chúng ta nhất định phải biết, ai cũng có lợi căn tột bậc, chúng tánh ba-la-mật-đa, ba-la-mật-đa là trí tuệ, là trí tuệ rốt ráo. Đây là nghĩa của đại.

“Hai là đắc quả vị vô học”, vô học là A-la-hán. Ai cũng có thể chứng đắc quả A-la-hán, ai cũng có thể ra khỏi lục đạo luân hồi ngay trong một đời, chỉ là bạn có chịu hay không mà thôi? Điều kiện ra khỏi lục đạo luân hồi rất đơn giản, nếu không hề có chút lưu luyến nào với lục đạo thì bèn ra khỏi. Nếu như còn tham luyến lục đạo, không thể hoàn toàn buông xuống thì bạn không thể thoát ly. Khi bạn tu hành tương đối có công phu, ma sẽ đến thị hiện, thị hiện điều gì? Tài, sắc, danh, lợi, dùng những thứ này để mê hoặc bạn. Chỉ cần bạn sanh tâm tham với một thứ trong đó, khởi tâm động niệm thì ma liền thắng lợi, bạn không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, vẫn phải làm quyến thuộc của ma. Điểm này không thể không biết, đây cũng là nghĩa của đại.

“Ba là đã đắc tiểu quả, hướng đến đại Bồ-đề”, đắc tiểu quả nhưng không trụ ở tiểu quả, không thỏa mãn ở tiểu quả, ngay lập tức hồi tiểu hướng đại, học Đại thừa, đại Bồ-đề là Đại thừa.

Do ba nghĩa trên đây nên gọi là “đại”, đại có ba nghĩa như vậy.

Tịnh Ảnh Sớ giải thích đại như sau: “Đại có hai nghĩa: một, địa vị cao gọi là đại; hai, đức thù thắng gọi là đại”. Đức thù thắng tức là đạo đức thù thắng nên gọi là đại. Thánh có nghĩa là hiểu biết đúng đắn, “hiểu biết chơn chánh thì gọi là thánh”. Chánh là chánh tri chánh kiến, xa lìa tà kiến sai lệch thì gọi là chánh, có nghĩa là thánh nhân Trung Quốc.

Nếu từ đức mà nói thì khế hợp với không lý, không lý là chân lý, chân lý là không, chẳng thể có được, cho nên gọi là tánh không. Tánh chẳng có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên. Khế là khế nhập, trong Tịnh độ gọi là Thường Tịch Quang. Bất sanh bất diệt thì gọi là “thường”, nó không có biến hóa. Lục đạo, thập pháp giới là pháp sanh diệt, có sanh có diệt thì gọi là vô thường. Nhất chân pháp giới không có sanh diệt, Thường Tịch Quang thì càng không cần nói tới, Thường Tịch Quang không có sanh diệt. Tịch là thanh tịnh, bình đẳng, thanh tịnh đến cực điểm, bình đẳng đến cực điểm. Đại sư Huệ Năng có câu: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh; nào ngờ tự tánh, vốn không dao động”, chính là nói đến cảnh giới này. Vốn không dao động chính là bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng gọi là tịch. Có nghĩa là thường, có nghĩa là quang. Quang là gì? Không nơi nào không có, không lúc nào không có, quang minh chiếu khắp, đây là tự tánh. Cho nên năm chữ trong đề kinh, thanh tịnh bình Đẳng Giác, giác chính là quang minh chiếu khắp, năm chữ này là Thường Tịch Quang, cũng là tự tánh, chính là bản tánh chân như. Không thể có được, dùng một chữ không, tánh không, khế nhập với không lý. Trong Thường Tịch Quang vốn không một vật. Ai chứng đắc? Pháp thân Bồ-tát chứng đắc, chứng đắc thì gọi là minh tâm kiến tánh, chứng đắc thì gọi là thành Phật, kiến tánh thành Phật. Đây là đức, từ đức mà nói.

“Hiểu đúng chánh đạo thì gọi là thánh; hoặc từ quả vị mà nói”, đây là quả vị tu hành. “Từ Sơ quả trở lên đều gọi là thánh, do hồi tiểu hướng đại, hành Bồ-tát đạo, hướng thẳng đến Phật quả thì mới gọi là tốt cùng đại A-la-hán”, đó gọi là đại thánh, quả vị rốt ráo của họ là minh tâm kiến tánh, trong Đại thừa không còn gì để học, đã tốt nghiệp Đại thừa rồi.

“Hoặc là bậc đại quyền thị hiện”, cũng gọi là đại thánh, những vị này “mới gọi là đại thánh”. Đại quyền thị hiện là gì? Chính là pháp thân Bồ-tát, pháp thân Bồ-

tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thị hiện làm Thanh văn, thị hiện làm cư sĩ, thị hiện làm hộ pháp, đại quyền thị hiện, những vị này đều là đại thánh.

Lão pháp sư từng nói rằng, tam hiền thập thánh, giai vị Bồ-tát tam hiền là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng; thập thánh là từ Sơ địa đến Thập địa. Bồ-tát từ Sơ địa trở lên xưng là thánh nhân, chỉ có Đẳng Giác Bồ-tát mới có thể xưng là đại thánh.

Tiếp theo chúng tôi nói đến ngài A-nan. A-nan là Sơ quả, Sơ quả thì xưng là thánh chứ không thể xưng là đại thánh, bởi vì ngài A-nan chưa chứng quả A-la-hán, chưa hồi tiểu hướng đại, vậy thì tại sao A-nan cũng xưng là đại thánh? “Đương thời, ngài A-nan tuy chưa đắc lậu tận, nhưng do là đương cơ nên cũng được liệt vào trong các vị này”. Điều này nói cho chúng ta biết, thân phận của ngài A-nan đặc thù, ngài là người đương cơ của nửa đầu bộ kinh Vô Lượng Thọ, cho nên ngài cũng được liệt vào một trong hết thầy đại thánh, cũng nói ngài đã đạt thần thông. “Đã hiểu biết trọn vẹn thần thông”, trọn vẹn tức là hiểu biết triệt để, “nên cũng gọi là đã đạt”. Đã đạt tức là hiểu biết triệt để. “Do vậy mà ngài A-nan cũng được nêu tên trong số hết thầy đại thánh, đã đạt thần thông”. Đại chúng trong pháp hội này đều là bậc đại trí, đại đức. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này do Thích-ca Mâu-ni Phật tự mình thuyết giảng, Phật nói “hết thầy đại thánh, đã đạt thần thông”, tức là nói một vạn hai ngàn người tham dự pháp hội đều là đại thánh.

“Đã đạt thần thông” chú trọng vào chữ đạt, đạt là thông đạt viên mãn, nhất định không có chướng ngại. Chỉ có đại thánh mới có thể đã đạt. Tịnh Ảnh Số nói rằng: “Đã đạt thần thông là đầy đủ sáu loại thần thông. Khen ngợi đức của họ thù thắng, việc làm thần dị”. Những việc mà họ đã làm, dùng cách nói của chúng ta là không cách nào tưởng tượng được nên gọi là thần; không bị úng trệ là thông, không có chướng ngại thì thông đạt. Gọi là thần thông tức là thân thể của họ có thể biến hóa, có thể biến thân lớn, có thể biến thân nhỏ, có thể hiện có thân, cũng có thể hiện không có thân. “Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, đắc lậu tận”, lậu tận tức là kiến tư phiền não đã tận. Vì vậy, thần nghĩa là chẳng lường được, thông nghĩa là vô ngại, không có chướng ngại. Chúng ta thường dùng hai chữ “thông đạt” cùng với nhau. Ngài Gia Tường nói: “Đạt là chứng”, họ đến được cảnh giới đạt rồi, là cảnh giới gì vậy? “Chính là chứng lục thông, tam minh”.

Lục thông là những gì A-la-hán chứng đắc, tức thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, thần túc thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Tam minh là những gì Phật chứng đắc, tức là túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh. Túc mạng minh là biết rõ hết thấy chuyện tiền kiếp của chính mình và người khác; Thiên nhãn minh là biết rõ hết thấy chuyện tương lai của chính mình và người khác; Lậu tận minh là dùng thánh trí đoạn sạch hết thấy phiền não. Ba điều trên nếu là A-la-hán thì gọi là tam minh, nếu là Phật thì gọi là tam đạt.

Lục thông đạt đến viên mãn rốt ráo thì chính là tam minh. Pháp thân Bồ-tát mặc dù vị nào cũng chứng đắc lục thông nhưng sức mạnh lục thông không giống nhau. Thập trụ Bồ-tát không bằng Thập hồi hướng, Thập hồi hướng Bồ-tát không bằng Thập địa, Thập địa Bồ-tát không bằng Đẳng Giác. Mặc dù đều có lục thông nhưng cấp bậc không giống nhau. Đẳng Giác Bồ-tát so với Diệu giác (Phật), dùng một câu ví von gọi là “cách lựa nhìn trăng”. Hàng dật tơ ngày xưa mịn nhất gọi là lựa mỏng, rất mỏng, trong suốt, nhìn trăng qua tấm lựa mỏng, vẫn là nhìn gián tiếp, thấy lờ mờ, đây là Đẳng Giác Bồ-tát. Phật thì sao? Không còn bị tấm lựa che nữa, trực tiếp nhìn thấy mặt trăng. Điều này nói cho chúng ta biết nhất định phải chứng đắc quả vị Phật thì lục thông, tam minh mới viên mãn. Chúng ta phải hướng đến mục tiêu này mà bước tới!

Tiếp theo tôi sẽ giới thiệu năm vị đại Bồ-tát thượng thủ:

“Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều-trần-như, tôn giả Xá-lợi-phất, tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôn giả Ca-diếp, tôn giả A-nan đấng, nhi vị thượng thủ”.

Tên của các vị thượng thủ được liệt kê trong kinh Phật có hàm nghĩa rất sâu. Từ trong đó chúng ta có thể thấy được điểm đặc sắc của bộ kinh này, cũng có thể nhìn ra địa vị của bộ kinh này trong Phật pháp. Năm vị đại Bồ-tát thượng thủ mà bộ kinh này kể tên ra, các ngài đều là thông gia, nhưng ở kinh này mỗi vị đại Bồ-tát tiêu biểu cho một môn, nêu lên sở trường của họ dùng để biểu pháp.

“Tên các ngài là: Tôn giả Kiều-trần-như”. Chúng ta đọc rất nhiều kinh điển, có bộ kinh nào liệt kê tên tôn giả Kiều-trần-như đầu tiên không? Không có. Trong kinh Vô Lượng Thọ tôn giả Kiều-trần-như được nêu đầu tiên, thể hiện điều gì? Thể hiện rằng tôn giả Kiều-trần-như là học trò đầu tiên được độ kể từ khi Thích-ca Mâu-ni Phật thị hiện thành Phật, cũng là đệ tử chứng đắc A-la-hán đầu tiên. Phật thuyết pháp cho năm vị tỳ-kheo tại vườn Lộc dã, Phật thuyết xong pháp Tứ Đế, ngài Kiều-trần-

nhu liền đắc A-la-hán, cho thấy rằng căn tánh của ngài rất lanh lợi. Người đầu tiên đắc độ, người đầu tiên chứng quả, ngài là đệ tử đầu tiên của đức Phật.

Chánh pháp xuất hiện trên thế gian, có người thuyết pháp là Thích-ca Mâu-ni Phật; có người nghe pháp là năm vị tỳ-kheo; có người tu hành, sau khi nghe xong liền thật làm, thực tiễn chính là tu hành; có người chứng quả, Kiều-trần-như chứng quả A-la-hán. Là người đầu tiên [chứng đắc] khi chánh pháp xuất hiện ở thế gian, ngài đại biểu cho điều gì? Đại biểu pháp môn niệm Phật là pháp môn thành Phật đệ nhất.

Lúc Phật chưa thành đạo, tu Bồ-tát nhẫc ba-la-mật, gặp vua Ca-lợi, bị vua Ca-lợi cắt xẻo thân thể, Phật phát nguyện rằng: “Tương lai khi tôi thành Phật thì ông sẽ là người đầu tiên tôi độ”. Vua Ca-lợi chính là tiền thân của Kiều-trần-như, cho nên sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật thành Phật, người đầu tiên được độ là Kiều-trần-như. “Phật gọi người đó là”, Phật ở đây là chỉ Thích-ca Mâu-ni Phật, gọi người đó là “tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của ta”.

Trong kinh A-hàm đức Phật tán thán tôn giả Kiều-trần-như “khoan nhân bác thức”. Khoan là chỉ tâm địa của ngài, tâm lượng rộng lớn, người Trung Quốc chúng ta gọi là lượng lớn, khoan tức là lượng lớn, có thể bao dung người khác, tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp pháp giới gọi là khoan; nhân là từ bi, nhân từ, đại từ đại bi; bác thức, ngài nghiêm túc học tập, có trí tuệ, có học vấn. “Thiện năng khuyên hóa”, ưa thích dạy học, giáo hóa chúng sanh. “Tương dưỡng thánh chúng”, tương tức là dẫn dắt, ngài cũng giống như lớp trưởng của thời bây giờ, dẫn dắt một lớp học, dạy dỗ họ. “Bất thất oai nghi”, ngài dạy rất hay, giảng rất hay, có thể tuân theo quy củ.

Kinh Vô Lượng Thọ trước hết nêu tôn danh của ngài “nhằm biểu thị người có thể nghe nhận kinh pháp này đều là đệ tử bậc nhất”. Câu này nói rất hay! Câu này là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, có ý nghĩa gì? Bạn có thể nghe được bộ kinh này, bạn có thể thọ trì bộ kinh này, chữ thọ này có nghĩa gì? Thật sự làm, thật sự học, vậy thì bạn là đệ tử bậc nhất của A-di-đà Phật, là đệ tử bậc nhất của Thích-ca Mâu-ni Phật.

Quý vị đồng tu, đệ tử bậc nhất không phải là do lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tự mình nói, mà là Thích-ca Mâu-ni Phật nói trong kinh, Hoàng Niệm lão chỉ mượn lời Phật để nói. Chúng ta tu hành theo bộ kinh này, theo pháp môn này đều là đệ tử bậc

nhất của Phật, chúng ta phải dũng cảm trực tiếp thừa nhận, không nên khách sáo. Chúng ta đích thực là đệ tử bậc nhất của Phật.

Tiếp theo chúng tôi giới thiệu “tôn giả Xá-lợi-phất”.

Trong số đệ tử của Thích-ca Mâu-ni Phật, thì tôn giả Xá-lợi-phất đại biểu cho trí tuệ đệ nhất, ngài là đệ tử thủ tọa của đức Phật, là đệ tử mà đức Phật tín nhiệm nhất. Lúc con trai La-hầu-la của đức Phật còn nhỏ, đức Phật đã từng bảo La-hầu-la bái Xá-lợi-phất làm thầy, theo Xá-lợi-phất thọ giới sa-di. Lúc tinh xá Kỳ Viên được xây dựng, người kính vâng từ mệnh của đức Phật tới đôn đốc công trình cũng là Xá-lợi-phất. Lúc Phật pháp vẫn chưa truyền tới thành Xá-vệ ở phương Bắc, ngài Xá-lợi-phất đã có thể nhiếp phục được ngoại đạo trước rồi, khiến họ quy y đức Phật.

Quý đồng tu, vì để cho mọi người càng hiểu hơn về vị thủ tọa đệ tử này của đức Phật, tôi muốn kể cho mọi người nghe một chút, nói một cách chính xác là tôi đã đọc câu chuyện về tôn giả Xá-lợi-phất, câu chuyện này tương đối dài, tôi tin rằng mọi người nghe xong sẽ có rất nhiều cảm ngộ.

Nói đến trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, nghe nói lúc mẹ ngài mang thai, đột nhiên trở nên trí tuệ hơn người. Nhà hùng biện nổi tiếng nhất trong Bà-la-môn giáo thời bấy giờ là cậu của Xá-lợi-phất, ông Câu-hy-la, cũng gọi là Trường Trảo Phạm Chí, vậy mà không biện luận được lại mẹ của ngài Xá-lợi-phất. Trước khi Xá-lợi-phất ra đời, cậu và mẹ của ngài đều cảm thấy rằng tương lai ngài sẽ là một nhân vật không hề tầm thường. Sau đó Trường Trảo Phạm Chí quy y đức Phật, bởi vì ông biết cháu của mình nếu không gặp được bậc đại giác thì nó sẽ không bái người đó làm thầy. Là vì ông tin tưởng điềm này của Xá-lợi-phất, cho nên mới dũng cảm buông bỏ mê vọng, quy y dưới tòa của đức Phật.

Trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất mặc dù siêu việt hơn người, nhưng ngài lại luôn luôn nghe theo đức Phật, chưa từng có sự phản cảm đối với bất kỳ lời dạy nào của đức Phật.

Có một lần, Xá-lợi-phất dẫn theo sa-di La-hầu-la mang bình bát ra ngoài khất thực trở về, đức Phật nhìn thấy sắc mặt của La-hầu-la rất khó coi, biết được trong lòng La-hầu-la nhất định có chuyện bức bối bất bình. Đức Phật gọi La-hầu-la tới, hỏi ông có chuyện gì cảm thấy không hài lòng. La-hầu-la trẻ tuổi cúi đầu xấu hổ nói với đức Phật: “Bạch Phật! Tỳ-kheo Thượng tọa và Trung tọa mang bình bát ra ngoài

khất thực, các tín chúng đều cúng dường món ngon thượng đẳng, sa-di mới vào đạo như chúng con, các tín chúng trộn lẫn bã mè và rau dại vào trong cơm rồi cúng dường cho chúng con. Thân thể con người đối với ăn uống đâu có phân biệt tuổi tác và giới hạnh, đều có nhu cầu giống nhau. Lúc các trưởng lão thọ nhận chỉ để ý chính mình, không quan tâm đến chúng con, khiến cho tín chúng sanh tâm phân biệt khi cúng dường. Bạch Phật! Ăn dầu mè và váng sữa thì thân thể mới khỏe mạnh, mới có sức lực, mới có thể yên tâm tu hành; nhưng mỗi ngày chúng con chỉ ăn bã mè và rau dại không đủ dinh dưỡng, thường cảm thấy thân thể mệt mỏi, làm sao có thể tinh tấn tu hành được?”

Đức Phật nghe La-hầu-la nói như vậy liền ngăn ông lại, dùng khẩu khí giáo huấn nói rằng: “Chuyện như vậy cũng không cần con nói ra, nếu nghĩ rằng khi chúng ta tu hành có thể thọ nhận cúng dường một hạt mè, một hạt lúa mạch của tín chúng thì đã là chuyện quá đáng rồi”. Mặc dù đức Phật dạy dỗ La-hầu-la như vậy, nhưng đức Phật biết được các tín chúng có sự phân biệt như thế khi cúng dường các sa-môn, trong lòng rất không hoan hỷ.

Sau khi đức Phật bảo La-hầu-la rời đi, đức Phật cho mời Xá-lợi-phất tới, vẻ mặt ôn hòa nói với Xá-lợi-phất: “Xá-lợi-phất, hôm nay ông thọ nhận đồ ăn bất tịnh, ông có biết hay không?” Xá-lợi-phất vừa nghe liền kinh ngạc, mau chóng nôn ra hết toàn bộ đồ ăn đã thọ nhận ngày hôm đó. Xá-lợi-phất thưa với Phật rằng: “Bạch Phật! Từ khi con quy y đức Phật đến nay, con luôn làm theo pháp khất thực của đức Phật mà đi hành hóa, con không dám không tuân theo pháp khất thực của Phật để đi riêng”. Đức Phật giảng tăng đoàn Lục hòa kính cho Xá-lợi-phất nghe, trưởng lão phải yêu thương chăm sóc tỳ-kheo và sa-di còn trẻ tuổi như thế nào. Xá-lợi-phất không hề bực bội bất bình chút nào, đối với giáo pháp của đức Phật, ngài chỉ biết cảm ân tiếp nhận. Sau đó đức Phật càng tin tưởng và khen ngợi Xá-lợi-phất. Ngoài đức Phật ra, Xá-lợi-phất cũng là người được mọi người trong tăng đoàn tôn kính nhất.

Xá-lợi-phất ngày một lớn tuổi, có một lần sau khi an cư kiết hạ tại tinh xá Kỳ Viên, Xá-lợi-phất thỉnh Phật cho phép ngài ra ngoài vân du bốn phương hoằng dương Phật pháp, đức Phật liền rất hoan hỷ cho phép, đồng thời khen ngợi Xá-lợi-phất có tâm vui vẻ lợi ích người khác.

Nhưng sau khi Xá-lợi-phất rời khỏi tinh xá Kỳ Viên không bao lâu liền có một vị tỳ-kheo đến trước tòa của Phật nói rằng: “Bạch Phật! Xá-lợi-phất không phải muốn ra ngoài hoàng pháp. Bởi vì ông ta si nhục con, cảm thấy hổ thẹn với con nên mới ra ngoài vân du”. Điều đức Phật không thích nhất đó là hủy báng sau lưng người khác, cho nên vừa nghe xong liền lập tức kêu người tìm Xá-lợi-phất về, đồng thời gọi A-nan đến, tập hợp đại chúng cùng tới giảng đường. Mọi người không biết tại sao phải tập hợp, Xá-lợi-phất cũng không biết tại sao đức Phật lại gọi ngài trở về, trong lòng mọi người đều cảm thấy lạ lùng.

Khi đức Phật nhìn thấy Xá-lợi-phất quay về, ngài ở trước mặt đại chúng nghiêm túc hỏi Xá-lợi-phất rằng: “Xá-lợi-phất! Ông rời đi không lâu, có một tỳ-kheo tới nói rằng ông si nhục người ấy cho nên mới ra ngoài vân du, thật sự có chuyện như vậy không?” Xá-lợi-phất ôn hòa và cung kính trả lời rằng: “Bạch Phật! Từ lúc con sanh ra cho đến ngày hôm nay con đã gần 80 tuổi, trong ký ức của con chưa từng sát hại sanh mạng, chưa từng nói lời dối trá, ngoài việc đi hoàng dương chân lý ra, con chưa từng vì lợi hại được mất riêng tư mà luận ngắn so dài với người khác. Hôm nay là ngày an cư kiết hạ cuối cùng, ba tháng nay, ngày nào con cũng sám hối, tâm của con trong suốt như sóng biển vậy, vào lúc này con nào biết coi thường người khác? Bạch Phật! Bùn đất trên đại địa này là thứ có thể nhẫn nhục nhất, cho dù thứ bất tịnh gì đổ lên nó, nó cũng không hề cự tuyệt, đối với phân và nước tiểu, máu mủ, đờm dãi, bùn đất đều ung dung đón nhận. Tâm của con hôm nay có thể bày tỏ với Phật là giống như đại địa vậy, bằng lòng nhẫn nhục chứ không muốn làm trái ý người khác. Bạch Phật! Nước chảy trong vắt, cho dù là đồ tốt hay đồ xấu đều rửa sạch, con không có suy nghĩ yêu ghét, tâm của con hôm nay giống như nước chảy vậy. Bạch Phật! Cây chổi là dùng để quét sạch bụi bẩn, lúc quét dọn không hề kén chọn xấu tốt, tâm của con hôm nay thực sự là không hề sanh tâm phân biệt yêu ghét. Bạch Phật! Con tiếp nhận sự dạy bảo của Người, luôn an trú trong chánh niệm, tuyệt đối không hề coi thường tỳ-kheo khác. Con nói với Phật như vậy, con biết chuyện của chính con, vị tỳ-kheo đó cũng biết chuyện của chính vị ấy, nếu như là lỗi lầm của con, con bằng lòng sám hối với vị tỳ-kheo đó, để xóa bỏ sự khiển trách trong lương tâm của con”. Xá-lợi-phất đã gần 80 tuổi, đối với đức Phật, ngài trình bày sự thật một cách đúng mực như vậy, đại chúng nghe xong không ai không cảm động. Câu chuyện của ngài Xá-lợi-phất vẫn chưa kể xong, tiết học sau chúng tôi sẽ tiếp tục.

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!